

Vua Lý Thánh Tông: Anh hùng cứu nước, nhân từ, thương dân, tôn sùng đạo Phật

ISSN: 2734-9195

14:30 04/01/2026

Năm Nhâm Tý (1072), vua Lý Thánh Tông đột ngột băng hà, trị vì được 17 năm, thọ 50 tuổi. Lý Thánh Tông là vị vua anh hùng cứu nước, nhân từ, thương dân, coi trọng đạo Phật và là một nhà văn hóa lớn của dân tộc ta.

Tác giả: **Đặng Việt Thủy**

Đường Hoàng Hoa Thám, P.Tây Hồ, Hà Nội

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 01/2026

Vua Lý Thánh Tông (1054 - 1072) tên húy là Nhật Tôn, con trưởng của vua Lý Thái Tông và Hoàng hậu Kim Thiên Mai Thị. Ông là một vị vua nhân từ thương dân, trọng việc làm ruộng, thương kẻ bị hình, vỗ về người xa, an ủi người gần, sửa sang việc văn, phòng bị việc võ, đất nước thanh bình. Người đời sau thường gọi ông là một bậc vua hiền.

Chuyện xưa kể rằng, một đêm bà Hoàng hậu Mai Thị chiêm bao, thấy mặt trăng sa vào bụng rồi có mang, sinh hạ được cậu bé Lý Nhật Tôn vào ngày 25 tháng 2 năm Quý Hợi (1023). Năm lên sáu tuổi, cậu được vua cha là Lý Thái Tông phong là Đông Cung Thái tử.

Cả một thời gian dài ở tuổi thanh thiếu niên, Thái tử Lý Nhật Tôn đã nhiều lần theo cha đi chinh chiến. Thái tử đã chứng kiến nhiều biến cố trọng đại, làm quen với triều chính để am hiểu tình hình. Lúc mới 15 tuổi (1037), Thái tử được vua cha phong làm Đại Nguyên soái, cùng vua cha đi đánh giặc ở Lâm Tây (thuộc Sơn La, Lai Châu ngày nay) và lập được nhiều chiến công hiển hách.

Năm 1039, Lý Thái Tông đi đánh Nông Tôn Phúc. Thái tử Lý Nhật Tôn khi đó mới mười bảy tuổi được cử làm Giám quốc, coi sóc Kinh thành và công việc triều chính. Tiếp đó, ông lại được nhà vua giao cho công việc xử lý các vụ kiện tụng trong nước (1040), và khi vua Lý Thái Tông xây Điện Quảng Vũ đã giao cho Nhật Tôn phụ trách.

Năm 1043, ông lại được cử làm Đô thống Đại Nguyên soái, đi đánh châu Ái, tức là vùng Thanh Hóa. Lý Thái Tông vào Nam đánh Chiêm Thành, ông được giao làm Lưu thủ Kinh sư (1044).

Tháng 7 năm Giáp Ngọ (1054), vua Lý Thái Tông thấy mình đã yếu, bèn cho phép Thái tử Lý Nhật Tôn được ra coi châu nghe chính sự, thực chất là đã phụ trách ngôi tôn. Mùa đông năm ấy, ngày 1 tháng 10, vua Lý Thái Tông băng hà ở điện Trường Xuân, Thái tử Nhật Tôn lên ngôi Hoàng đế, đổi niên hiệu là Long Thụy Thái Bình năm thứ 1, hiệu là Lý Thánh Tông. Do có một thời gian dài được vua cha cho làm quen với việc cai trị chính sự của quốc gia cho nên Lý Thánh Tông rất thành thạo công việc triều chính. Ông quả là một nhà vua trẻ rất xứng đáng trong các triều vua Lý.

Năm 1054, Lý Thánh Tông đã đổi quốc hiệu từ Đại Cồ Việt thành Đại Việt, mở ra kỷ nguyên Đại Việt rực rỡ nhất trong lịch sử Việt Nam.

Vào thời gian này, nhà Lý đang tích cực đẩy mạnh công cuộc xây dựng đất nước trên nhiều lĩnh vực. Lý Thánh Tông là vị vua có nhiều tâm huyết muốn xây dựng đất nước thành một quốc gia Đại Việt hùng cường để có đầy đủ sức mạnh chống chọi với các thế lực ngoại xâm đang đe dọa từ nhiều phía. Việc cho đổi tên nước thành Đại Việt vào năm 1054 đã khẳng định rõ điều đó.



Tam quan đền Lý Bát Đế (Bắc Ninh) - Ảnh: Suu tầm

Nét nổi bật nhất của **Lý Thánh Tông** là tấm lòng trung hậu. Ông rất thương yêu và quan tâm đến bá tính, kể cả những người đang bị giam cầm, tù tội. Mùa đông năm 1055, vào tiết đại hàn, nghĩ đến dân, vua thấy chạnh lòng nói với tả hữu: "Trẫm ở trong cung, nào lò sưởi ngự, nào áo lót cầu còn rét như thế này,

nghĩ đến người tù giam trong ngục, khổ sở về gông cùm, chưa biết rõ ngay gian, mà ăn không no bụng, áo không kín mình, gió rét khổ thân, hoặc có kẻ chết không đáng tội, trầm rất thương xót. Vậy hạ lệnh cho hữu ty phát chẩn chiếu và mỗi ngày hai lần phát cơm..." (1)

Nói rồi nhà vua sai người đem chẩn chiếu trong kho ban cho tù nhân và mỗi ngày phát cho tù nhân ăn hai bữa cơm. Nhà vua còn xuống chiếu miễn cho cả nước một nửa số thuế năm đó.

Mười năm sau, vào năm 1064, ông còn nhắc lại điều này vào một ngày ông đến Điện Thiên Khánh xử kiện. Khi xử kiện, có con gái vua là công chúa Động Thiên đứng hầu bên cạnh. Phạm nhân là một chàng trai trẻ phạm tội chỉ vì không hiểu luật. Nhà vua gọi chúa ngục lại chỉ vào con gái mình mà nói: "Ta yêu con ta, cũng như lòng ta làm cha mẹ dân, dân chúng không biết mà mắc vào binh pháp, ta rất lấy làm thương. Từ nay về sau, không cứ gì tội nặng hay nhẹ, đều nhất luật khoan giảm" (2).

Lòng nhân từ này, phải chăng xuất phát từ triết lý từ bi của đạo Phật. Các vua nhà Lý đều sùng đạo Phật, riêng Lý Thánh Tông lại có biểu hiện sùng Phật nhiệt thành nhất. Đặc biệt, vua Lý Thánh Tông còn là người sáng lập ra phái Thảo Đường là dòng Thiền tông thuộc thiền phái thứ ba ở Việt Nam sau thiền phái Nam phương truyền vào nước ta từ năm 580 do Tỳ-ni-đa-lưu-chi là Tổ sư và thiền phái Quan Bích truyền vào nước ta năm 820 do Vô Ngôn Thông làm Tổ sư (3).

Vua Lý Thánh Tông là người ra lệnh xây dựng các chùa như: chùa Sùng Khánh Báo Thiên, chùa Thiên Phúc, chùa Thiên Thọ... Sử sách ghi lại rằng: Năm Bính Thân (1056), vua Lý Thánh Tông đã cho "Làm chùa Sùng Khánh Báo Thiên, phát 1 vạn 2 nghìn cân đồng để đúc chuông lớn. Vua thân làm bài minh văn (văn khắc chuông)" (4).

Năm sau, Đinh Dậu (1057) "Mùa xuân, tháng giêng, xây tháp Đại Thắng Tư Thiên, cao vài chục trượng, 12 tầng (tức là tháp Báo Thiên)" tại Thăng Long, Hà Nội ngày nay (5).

Cùng trong năm này "Mùa đông, tháng 12, làm hai chùa Thiên Phúc và Thiên Thọ, đúc hai pho tượng Phạn Vương và Đế Thích bằng vàng để phụng thờ " (6).

Mùa xuân, tháng giêng năm Tân Hợi (1071), đến thăm chùa Tiên Du, vua Lý Thánh Tông đã "viết bia chữ Phật dài một trượng, sáu thước để ở chùa Tiên Du" (7). Rất tiếc, ngày nay tấm bia ấy không còn nữa, nhưng sự việc này đã được sử sách ghi chép rõ ràng.

Sùng đạo Phật, song nhà vua vẫn rất tôn trọng đạo Nho. Vì muốn khai hóa cho dân, vua lập Văn Miếu, cho đắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Tứ phối (tức là tượng mấy vị cao đệ của Khổng Tử: Nhan Tử, Tăng Tử, Tử Tư và Mạnh Tử). Ông cũng cho vẽ tượng 72 người học trò của Khổng Tử đặt ở nơi này. Nhà vua còn cho Hoàng Thái tử đến đây học. Từ trước đến nay, Lý Thánh Tông là vị vua đầu tiên lưu lại chứng tích sùng mộ Nho học của đất nước ta với những hiểu biết cụ thể như thế. Đến năm 1076, vua Lý Nhân Tông cho lập Quốc Tử Giám kế thừa Văn Miếu. Văn Miếu - Quốc Tử Giám được các triều đại về sau tiếp tục điểm tô, tôn tạo trở thành trường Đại học đầu tiên của nước nhà.

Lý Thánh Tông lúc thiếu thời hay được đi đây đó, nay trở về yên vị nơi cung cấm đã không giấu được sự khát khao về cái đẹp chốn dân gian. Ông ra lệnh sửa sang Hồ Tây, rồi đặt hành cung ở đó, gọi là **Cung Dâm Đàm** để tiện khi ra chơi hồ, câu cá, bơi thuyền. Ông còn cho người tìm hiểu các nhạc khúc, điệu đánh trống của Chiêm Thành rồi cho nhạc công, ca sĩ của Đại Việt tập luyện. Việc làm này là sự tiếp nối của vua cha Lý Thái Tông trước đây, đã lấy khúc Tây Thiên của Chiêm Thành đưa về nước để học tập. Vì thế, sau này âm nhạc Việt Nam có ảnh hưởng của nhạc điệu phương Nam (Chiêm Thành) và có lẽ bắt đầu từ hai vua nhà Lý: Lý Thái Tông và Lý Thánh Tông.



Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội) - Ảnh: Sưu tầm

Không chỉ chú trọng công việc chính trị, đặc biệt là chính sách an dân, trọng nông, sửa sang việc văn, vua Lý Thánh Tông còn rất lưu tâm đến việc phòng thủ

đất nước và phát huy thanh thế quân uy của mình đối với nước ngoài. Nhiều người thường chú ý đến thành tích lớn lao của Lý Thường Kiệt, Tông Đản dưới triều của Lý Nhân Tông sau này đã dám đem quân Đại Việt sang đánh tận châu Khâm, châu Ung, chứ không nhớ rằng, việc làm này, Lý Thánh Tông mới là người khởi xướng. Từ tháng 3 năm 1059, ông đã đem quân vào châu Khâm nước Tống để khoe binh uy, làm cho quân Tống khiếp sợ. Quân đội nhà Lý tiến vào đất Trung Quốc, rồi rút về yên ổn, không kéo dài chiến tranh, chỉ cốt làm cho đối phương phải nể sợ. Sử chép: "Kỷ Hợi (1059), mùa xuân, tháng 3, đánh Khâm Châu nước Tống, khoe binh uy rồi về, vì ghét nhà Tống phản phúc" (8).

Năm sau (1060), ông lại cho viên tướng phụ trách Lạng Châu là Thân Thiệu Thái đánh bốn quân Tống can thiệp ở biên giới, bắt được tướng nhà Tống là Chỉ huy sứ Dương Bảo Tài. Tháng 7, quân Tống mấy lần gây chiến để phản công nhưng đều thất bại, phải cử viên Thị lang Bộ Lại là Dư Tĩch sang thương thuyết. Nhà ngoại giao Đại Việt là Phí Gia Hậu được vua Lý Thánh Tông cử tới cuộc hòa đàm, đã được Dư Tĩch đối đãi rất mềm mỏng, tặng quà rất hậu. Nhưng khi họ xin cho Dương Bảo Tài được trả về thì Phí Gia Hậu không cho, vì Lý Thánh Tông không thuận. Bờ cõi phương Bắc mấy năm được yên ổn. Thanh thế của nhà vua được tăng lên.

Không những giương uy ở phía Bắc, Lý Thánh Tông còn tăng cường lực lượng để giành thắng lợi ở phương Nam. Vốn đã quen với những cuộc chinh chiến, trước đây do vua cha điều dắt và giao phó, nên khi lên ngôi, Lý Thánh Tông tiếp tục sự nghiệp trường chinh của mình. Năm 1069, ông thân hành đem quân đi đánh Chiêm Thành và thu được thắng lợi rực rỡ. Ông đã bắt sống được vua Chiêm Thành là Chế Củ, đem về giam ở Thăng Long. Nhưng với tấm lòng bao dung độ lượng, Lý Thánh Tông chỉ nêu cao võ công và tha cho Chế Củ được về nước. Cảm động trước tấm lòng nhân ái của vua Lý Thánh Tông, Chế Củ xin cắt ba châu Địa Lý, Ma Linh và Bố Chánh sáp nhập vào bản đồ Đại Việt (ngày nay thuộc tỉnh Quảng Trị).

Trong cuộc đời Lý Thánh Tông có một thiên tình sử khá đẹp, diễn ra vào khoảng năm ông 40 tuổi. Năm đó, ông đi vi hành nhiều vùng quanh Kinh thành Thăng Long, vào các chùa quán để thắp hương cầu tự vì làm vua đã lâu mà ông mới chỉ có con gái, chứ chưa có con trai để định ngôi hoàng tử. Đến hương Thổ Lỗi, thuộc địa phận huyện Thuận Thành (cũ), tỉnh Bắc Ninh hiện nay, thì gặp một thôn nữ. Thông thường, khi xa giá nhà vua trải qua vùng nào thì dân chúng đều kéo nhau ra xem và nghênh tiếp nhà vua, nhưng nàng thôn nữ này thì cứ nép mình trong bụi cây, dường như không quan tâm gì đến đoàn xe kiệu lộng lẫy của nhà vua. Ngồi trên kiệu, vén màn nhìn ra, Lý Thánh Tông (Lý Nhật Tôn) thấy rõ phong cách đặc biệt ấy, rung động vì sắc đẹp dịu dàng, tươi thắm của

nàng thôn nữ. Vua dùng kiệu lại gần hỏi thăm. Người con gái nói tên mình là Tấm, chỉ là một cô gái quê mùa đi làm nông trang theo lời của bà dì sai bảo. Nàng nói do không có quan hệ gì với đạo ngự nên cũng không muốn bắt chước bạn bè mà nô nức tò mò. Vua lấy làm lạ liền đưa nàng về cung lập làm thiếp đặt tên Ý Lan (người con gái tựa vào gốc lan).

Cuộc hôn nhân điểm kỳ này sớm đưa đến kết quả. Vài năm sau, vào ngày 25 tháng Giêng năm Bính Ngọ (1066), Ý Lan sinh con trai, được đặt tên là Càn Đức. Ngay ngày hôm sau, nhà vua cho lập làm Hoàng Thái tử, đổi niên hiệu và đại xá thiên hạ để tỏ sự vui mừng, Ý Lan được phong làm Nguyên phi.

Ý Lan không chỉ là người con gái đẹp mà còn có công sinh hạ hoàng tử cho nhà vua. Các tài liệu hiện nay không biết rõ gia thế của bà, nhưng theo sử sách còn lưu lại, sau khi vào cung bà đã siêng năng học hành nên cũng là người có học vấn. Ở một vùng quê bình dị như vậy, trong hoàn cảnh xã hội thời bấy giờ, không rõ bà đã được học hành như thế nào mà biết làm thơ và thông hiểu đạo Phật, đã từng đàm đạo với nhà sư Thông Biện về quá trình phát triển đạo Phật ở Đại Việt. Không những thế, bà còn là một nhà chính trị xuất sắc.

Năm 1069 (sau khi lấy vua được 6 năm), Lý Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành đã giao cho bà Ý Lan làm Nhiếp chính, coi sóc việc nội trị. Lúc ấy, nước Đại Việt không may lụt lớn, mùa màng thất bát, nhiều nơi sinh loạn. Nhưng nhờ có kế sách trị nước đúng đắn, quyết đoán và táo bạo của Nguyên phi Ý Lan, loạn lạc được dẹp yên, dân đói đã được cứu sống. Bà luôn luôn tỏ ra là một người có lòng nhân hậu chăm sóc đời sống của nhân dân. Nhiều việc làm của bà đã được muôn dân ca ngợi. Bà bỏ tiền trong nội phủ ra chuộc những người con gái nhà nghèo phải đi ở đợ rồi gả cho những người góa vợ. Theo dân gian lưu truyền, cảm phục công lao đó mà bà được muôn nhà tôn thờ là đức bà Quan Âm, lập đền thờ bà.

Chuyện kể rằng: Vua Lý Thánh Tông đem quân đi đánh Chiêm Thành, những ngày đầu đánh mãi mà vẫn không thắng. Vua phải cho rút quân về. Đi nửa đường đến châu Cư Liên, nhà vua nghe tin "Nguyên phi giúp việc nội trị, lòng dân cảm hóa vui vẻ, trong cõi yên tĩnh, tôn sùng Phật giáo, nhân dân gọi là bà Quan Âm, vua nói: "Nguyên phi là đàn bà còn làm được như thế, ta là nam nhi lại chẳng được việc gì hay sao?" (9).

Nói xong, nhà vua vội vàng chỉnh quân, trở lại bình Chiêm Thành, đốc sức tấn công và thu được thắng lợi, bắt được Chế Củ.

Binh pháp thời Lý Thánh Tông có tiếng là giỏi. Năm Nhâm Tý (1072), vua Lý Thánh Tông đột ngột băng hà, trị vì được 17 năm, thọ 50 tuổi.

Lý Thánh Tông là vị vua anh hùng cứu nước, nhân từ, thương dân, coi trọng đạo Phật và là một nhà văn hóa lớn của dân tộc ta.

Tác giả: **Đặng Việt Thủy** - Đường Hoàng Hoa Thám, P.Tây Hồ, Hà Nội

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 01/2026

Chú thích:

(1) "Đại Việt sử ký toàn thư", Tập I, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội - 1972. trang 229, 230.

(2) "Đại Việt sử ký toàn thư", Sách đã dẫn, tr.232.

(3) " Lịch sử Việt Nam, Tập 2, Từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội -2017, tr. 297, 298.

(4), (5), (6) "Đại Việt sử ký toàn thư", Sách đã dẫn, tr. 230.

(7) "Đại Việt sử ký toàn thư", Sách đã dẫn, tr. 234.

(8) "Đại Việt sử ký toàn thư", Sách đã dẫn, tr. 230.

(9) "Đại Việt sử ký toàn thư", Sách đã dẫn, tr. 233.

Tài liệu tham khảo:

1] "Đại Việt sử ký toàn thư", Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội - 1972

2] "54 vị hoàng đế Việt Nam", Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội - 2008.

3] "Lịch sử Việt Nam, Tập 2, Từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội - 2017.